Chi tiết mã HS 3917.10.10

Mã HS	3917.10.10
Mô tả hàng hóa	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ruột nhân tạo (vỏ xúc xích) bằng protein đã làm cứng hoặc bằng chất liệu xenlulo: / - - Từ protein đã được làm cứng
Đơn vị	kg/m/ chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 09:03:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39171010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5921
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5921
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5921
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MM, PH)	0% (trừ MM, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5728
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5689
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5689
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5689
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5689
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5689
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5689
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5733
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5733

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5733
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5733
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5733
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5733
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5731
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5731
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5731
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5731
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5731
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5731
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5733
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5695
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5691
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5691
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5691
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5691
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5691
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5691
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5702
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5702
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5702
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5702
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5702
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5702
VCFTA	2022	2022	2	VC!D5757
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5757

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5757
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5757
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5757
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5757
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5742
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5742
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5742
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5742
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5742
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5742
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5745
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5745
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5745
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5745
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5745
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5745
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D5730
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5730
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5730
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5730
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5730
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5730
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D5732
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5732
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5732
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5732

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5732
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5732
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5714
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5714
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5714
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5714
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5714
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5714
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5714
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5735
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5735
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5735
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5735
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5735
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5735
RCEP B	2022	2022	0	B!D5735
RCEP B	2023	2023	0	B!E5735
RCEP B	2024	2024	0	B!F5735
RCEP B	2025	2025	0	B!G5735
RCEP B	2026	2026	0	B!H5735
RCEP B	2027	2027	0	B!I5735
RCEP C	2022	2022	0	C!D5735
RCEP C	2023	2023	0	C!E5735
RCEP C	2024	2024	0	C!F5735
RCEP C	2025	2025	0	C!G5735
RCEP C	2026	2026	0	C!H5735

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5735
RCEP D	2022	2022	0	D!D5735
RCEP D	2023	2023	0	D!E5735
RCEP D	2024	2024	0	D!F5735
RCEP D	2025	2025	0	D!G5735
RCEP D	2026	2026	0	D!H5735
RCEP D	2027	2027	0	D!I5735
RCEP E	2022	2022	0	E!D5738
RCEP E	2023	2023	0	E!E5738
RCEP E	2024	2024	0	E!F5738
RCEP E	2025	2025	0	E!G5738
RCEP E	2026	2026	0	E!H5738
RCEP E	2027	2027	0	E!I5738
RCEP F	2022	2022	0	F!D5735
RCEP F	2023	2023	0	F!E5735
RCEP F	2024	2024	0	F!F5735
RCEP F	2025	2025	0	F!G5735
RCEP F	2026	2026	0	F!H5735
RCEP F	2027	2027	0	F!I5735
VIFTA	2024	2024	6.7	VI!F5287
VIFTA	2025	2025	3.3	VI!G5287
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5287
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5287

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3917.10 có 2 dòng thuế; dòng 3917.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Từ protein đã được làm cứng.	3917.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3917.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 3917.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5921), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.